



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: <http://www.aac.com.vn>

Số: 904/2018/BCSX-AAC

### BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, được lập ngày 30/07/2018 của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 28.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến vấn đề được trình bày tại mục (i) của Thuyết minh số 8: Tại ngày 30/06/2018, Công ty có khoản cho vay ngắn hạn với bên liên quan (Công ty Cổ phần Quan hệ Quốc tế - Đầu tư Sản xuất) số tiền là 12.000.000.000 đồng. Khoản cho vay này chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo quy định của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với các công ty đại chúng.



**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**

**Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 08 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Ngày 30 tháng 06 năm 2018**

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>17.380.842.615</b>	<b>16.562.489.981</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.294.201.211</b>	<b>13.152.281.962</b>
1. Tiền	111		1.494.201.211	102.281.962
2. Các khoản tương đương tiền	112		800.000.000	13.050.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6a	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.415.143.986</b>	<b>1.739.890.796</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.168.669.248	1.666.541.094
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.189.110	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	12.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	282.133.476	116.432.294
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(56.848.039)	(56.848.039)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		14.000.191	13.765.447
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>671.497.418</b>	<b>663.811.562</b>
1. Hàng tồn kho	141		671.497.418	663.811.562
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>6.505.661</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	6.505.661
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.091.528.965</b>	<b>4.425.238.236</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.522.134.714</b>	<b>3.823.727.534</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.912.994.714	3.214.587.534
- Nguyên giá	222		25.174.128.653	25.174.128.653
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.261.133.939)	(21.959.541.119)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	609.140.000	609.140.000
- Nguyên giá	228		609.140.000	609.140.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6b</b>	<b>554.498.418</b>	<b>571.719.035</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		590.671.007	590.671.007
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(36.172.589)	(18.951.972)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.895.833</b>	<b>29.791.667</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	14.895.833	29.791.667
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>21.472.371.580</b>	<b>20.987.728.217</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
**Ngày 30 tháng 06 năm 2018**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.558.389.938</b>	<b>905.859.907</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.558.389.938</b>	<b>905.859.907</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	485.848.772	397.706.684
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	28.546.956	21.427.834
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	424.202.052	123.448.940
4. Phải trả người lao động	314		458.967.403	260.568.551
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	168.612.873	98.434.668
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(7.788.118)	4.273.230
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>19.913.981.642</b>	<b>20.081.868.310</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>19.913.981.642</b>	<b>20.081.868.310</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	18.049.800.000	18.049.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.049.800.000	18.049.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	19	(60.093.500)	(60.093.500)
3. Cổ phiếu quỹ	415	19	(914.353.746)	(914.353.746)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	1.914.347.993	1.914.347.993
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	924.280.895	1.092.167.563
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		104.819.563	46.570.842
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		819.461.332	1.045.596.721
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>21.472.371.580</b>	<b>20.987.728.217</b>

Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Phó phòng TC - KT

Lê Quang Đình Thạnh

Người lập biểu

Lê Quang Đình Thạnh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	6.647.498.592	7.604.643.355
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		6.647.498.592	7.604.643.355
4. Giá vốn hàng bán	11	21	5.165.706.810	5.752.778.678
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>1.481.791.782</u>	<u>1.851.864.677</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	482.292.575	460.246.069
7. Chi phí tài chính	22	23	17.220.617	(20.838.475)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	24	12.180.826	16.200.140
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	918.523.247	1.099.637.099
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>1.016.159.667</u>	<u>1.217.111.982</u>
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		600.002	15.328.000
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(600.002)</u>	<u>(15.328.000)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>1.015.559.665</u>	<u>1.201.783.982</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	196.098.333	235.860.957
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>819.461.332</u>	<u>965.923.025</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	498	587
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	498	587

Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

  
Nguyễn Thanh Tùng


Đà Nẵng, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Phó phòng TC - KT



Lê Quang Dĩnh Thạnh

Người lập biểu



Lê Quang Dĩnh Thạnh